

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-3-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1990. Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại: Đội 7, điểm sản xuất 3, Trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 03 tháng 01 năm 2019 và bản tự khai ngày 10 tháng 01 năm 2019, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Phạm Văn Q kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức hỏi, cưới theo phong tục truyền thống Việt Nam, có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng vào ngày 29 tháng 02 năm 2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm. Tuy nhiên, trong thời gian sống chung, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017 do bất đồng lối sống, phong cách sống. Anh Q ham chơi, tụ tập bạn bè rồi nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, tình cảm rạn nứt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh Q từ bỏ ma túy nhưng anh Q không từ bỏ ma túy. Ngày 18 tháng 9 năm 2017, anh Q bị Công an bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và hiện đang chấp hành án tại đội 7, điểm sản xuất 3, Trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị H xác định không còn tình cảm với anh Q, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh Q.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Hoàng Bảo Y, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2012 và Phạm Hoàng Bảo A, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2015, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi cả hai con vì chị có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định (thu nhập bình quân mỗi tháng 7.000.000 đồng). Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình chuẩn bị xét xử, anh Q trình bày: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống phù hợp với lời trình bày của chị H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh và chị H bất đồng quan điểm sống, lối sống. Bản thân anh có ham chơi, tụ tập bạn bè rồi nghiện ma túy. Anh còn nghi ngờ chị H sống không chung thủy với mình dẫn đến tình cảm rạn nứt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, xúc phạm nhau. Tháng 9 năm 2017, anh bị Công an bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và hiện đang phải chấp hành án tại đội 7, điểm sản xuất 3, Trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình anh đi chấp hành án chị H có đến thăm anh nhưng tình cảm vợ cảm vẫn không cải thiện. Nay chị H xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Hoàng Bảo Y, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2012 và Phạm Hoàng Bảo A, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2015, chị Huệ đang nuôi dưỡng. Do hiện tại anh đang phải chấp hành án nên đồng ý giao cả hai cháu Bảo Y và Bảo A cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Sau khi chấp hành án xong, đi làm có thu nhập, anh sẽ xin thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, theo lời trình bày và yêu cầu của chị H: Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại gia đình anh Q, thôn Thọ L và Ủy ban nhân dân xã M về việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và các vấn đề có liên quan khác giữa chị H và anh Q; sau khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Q đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Về con chung, tài sản chung và công nợ chị vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn xin ly hôn và bản tự khai đã nộp đến Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cơ bản thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

1. Về tố tụng: Chị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết việc ly hôn với anh Q có nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại: Đội 7, điểm sản xuất 3, Trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Văn Q là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 29 tháng 02 năm 2012. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống, lối sống không còn phù hợp. Anh Q chơi cờ bạc, nghiện ma túy, phá tán tài sản gia đình và còn nghi ngờ chị H không chung thủy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ khi anh Q bị bắt đi chấp hành án đến

nay giữa anh chị không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xin ly hôn, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Q.

3. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Hoàng Bảo Y, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2012 và Phạm Hoàng Bảo A, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2015, đang do chị H nuôi dưỡng. Chị H làm công nhân có thu nhập ổn định, bình quân 7.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt, anh Q đồng ý, vì hiện tại anh Q đang chấp hành án tại trại giam nên không thể nuôi dưỡng các cháu. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai cháu cho chị H nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn Q là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K vào ngày 29 tháng 02 năm 2012. Như vậy hôn nhân giữa chị H và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá chung, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm. Song trong thời gian chung sống, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2017, do phong cách sống, lối sống không còn phù hợp. Anh Q tụ tập bạn bè chơi cờ bạc, nghiện ma túy, bán tài sản của gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, xúc phạm nhau. Gia đình hai bên đã khuyên bảo để anh Q lo làm ăn và tập trung cai nghiện ma túy nhưng anh Q không sửa chữa. Thực tế, ngày 18 tháng 9 năm 2017 anh Q bị Tòa án nhân dân quận D tuyên phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và hiện đang phải chấp hành án tại đội 7, điểm sản xuất 3, Trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng. Từ đó đến nay giữa chị H và anh Q không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xin ly hôn, qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của đương sự tại thôn T, Ủy ban nhân dân xã T và gia đình anh Q đều cho biết:

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2017 đến nay ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Nên xử cho chị H được ly hôn anh Q là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Hoàng Bảo Y, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2012 và Phạm Hoàng Bảo A, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2015, hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H nhận tiếp tục nuôi dưỡng hai con cho đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ vào điều kiện thực tế của chị H thấy rằng chị H có chỗ ở ổn định, đang đi làm công nhân có thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng, có khả năng nuôi dưỡng cho hai con. Xét việc nhận nuôi con của chị H phù hợp với đề nghị của chính quyền địa phương xã M và nguyện vọng bà Nguyễn Thị Xuân L là mẹ đẻ anh Q. Mặt khác, do anh Q đang chấp hành án tại Trại giam nên để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho hai cháu, cần giao cả hai cháu cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Đương sự đều không yêu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Q.

2. Về con chung: Giao 02 cháu là Phạm Hoàng Bảo Y, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2012 và Phạm Hoàng Bảo A, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2015 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA.0012104 ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng